

ĐIỀU LỆ
Tổ chức và hoạt động của
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH một thành viên
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Trong phạm vi Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (sau đây gọi tắt là Tổng Công ty)”: là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con, do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được thành lập theo Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

b) “Cơ quan đại diện chủ sở hữu Tổng Công ty” (gọi tắt là Cơ quan đại diện chủ sở hữu): là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, được Chính phủ giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với doanh nghiệp do mình quyết định thành lập.

c) “Đơn vị phụ thuộc”: là các đơn vị hạch toán phụ thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện nằm trong cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty.

d) “Doanh nghiệp thành viên của Tổng Công ty” (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp thành viên): là các doanh nghiệp do Tổng Công ty trực tiếp nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó.

đ) “Quyền chi phối”: là quyền của Tổng Công ty đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đây:

- Quyền sở hữu duy nhất của doanh nghiệp.

- Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối của doanh nghiệp.

- Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp.

- Quyền trực tiếp hay gián tiếp quyết định việc phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp.

- Các trường hợp chi phối khác theo thoả thuận giữa doanh nghiệp chi phối với doanh nghiệp và được ghi vào Điều lệ của doanh nghiệp bị chi phối.

e) “Cổ phần, vốn góp chi phối của Tổng Công ty tại doanh nghiệp khác”: là số cổ phần hoặc mức vốn góp của Tổng Công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp khác.

g) “Cổ phần, vốn góp không chi phối của Tổng Công ty tại doanh nghiệp khác”: là cổ phần hoặc mức vốn góp của Tổng Công ty chiếm từ 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp khác trở xuống.

h) “Luật số 69/2014/QH13”: là Luật số 69/2014/QH13 về Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

i) “Luật Doanh nghiệp”: là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

k) “Công ty mẹ - Công ty con”: là nhóm các công ty theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp.

l) “Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại Tổng Công ty (sau đây gọi là người đại diện chủ sở hữu trực tiếp)”: là cá nhân được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bổ nhiệm vào Hội đồng thành viên để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại Tổng Công ty.

m) “Người quản lý doanh nghiệp”: bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

n) “Vốn Nhà nước tại Tổng Công ty”: bao gồm vốn từ ngân sách Nhà nước, vốn tiếp nhận có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước; vốn từ quỹ đầu tư phát triển tại Tổng Công ty, quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp; vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và vốn khác được Nhà nước đầu tư tại Tổng Công ty.

o) “Vốn của Tổng Công ty”: bao gồm vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty và vốn do Tổng Công ty huy động.

3. “Người có liên quan”: là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:

a) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty mẹ;

b) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của Công ty con;

c) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, thuê mướn cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;

d) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;

đ) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

e) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;

g) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu và các văn bản khác có liên quan sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

5. Các tham chiếu của Điều lệ này tới quy định của văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 2. Tên, địa chỉ trụ sở chính

1. Tên gọi:

a) Tên gọi đầy đủ của Tổng Công ty bằng tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

b) Tên tiếng Anh: **SAIGON TRADING GROUP**

c) Tên viết tắt: **SATRA**

2. Trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 275B, đường Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (+ 84-28) 3836 8735

- Email: contact@satra.com.vn

- Website: <http://www.satra.com.vn>

3. Chi nhánh, Văn phòng đại diện trong nước và ở nước ngoài: Tổng Công ty có các Chi nhánh, Văn phòng đại diện trong và ngoài nước, danh sách cụ thể tại các Phụ lục đính kèm.

Điều 3. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo

quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định đầu tư thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là Cơ quan đại diện chủ sở hữu của Tổng Công ty được Chính phủ giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với doanh nghiệp do mình thành lập và được ghi lại trong quyết định chuyển đổi Tổng Công ty.

2. Tổng Công ty có:

a) Tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Con dấu khắc tên Tổng Công ty bằng tiếng Việt là: TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN.

c) Tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ mở tại Kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật

d) Vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình.

đ) Biểu tượng:



Biểu tượng (Logo) của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên được thể hiện bằng các chữ in SATRA màu đỏ tươi (đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 115737 theo quyết định số 26096/QĐ-SHTT ngày 09/12/2008 của Cục Sở hữu trí tuệ).

Điều 4. Mục tiêu, nhiệm vụ, chức năng và ngành nghề kinh doanh

1. Mục tiêu:

a) Phát triển Tổng Công ty có trình độ công nghệ, trình độ quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao. Có cơ cấu hợp lý với lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh chính là thương mại - dịch vụ - sản xuất chế biến lương thực, thực phẩm; mở rộng hệ thống phân phối. Nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh, tăng cường năng lực quản trị doanh nghiệp. Đầu tư tập trung các dự án phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại dịch vụ, sản xuất chế biến lương thực - thực phẩm góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị phần.

b) Kết hợp giữa phát triển sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển với nhiệm vụ giữ vững an ninh, quốc phòng, chính trị, hỗ trợ an sinh xã hội.

c) Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đầu tư tại Tổng Công ty và vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác, hoàn thành các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao, tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

d) Kế hoạch sản xuất kinh doanh - đầu tư gắn chặt mục tiêu kinh tế với trách nhiệm cộng đồng; tích cực tham gia Chương trình Bình ổn thị trường, trở thành chủ thể có trách nhiệm, đóng góp quan trọng trong việc xây dựng các chuỗi cung ứng hàng hóa thiết yếu phục vụ thị trường Thành phố Hồ Chí Minh tiến tới các thị trường của tỉnh, thành phố trong cả nước.

đ) Tăng cường thực hiện việc số hóa, điện toán hóa trong quản lý, điều hành trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; Hoàn thiện các hoạt động, nhất là lĩnh vực kho bãi, logistics và Thương mại điện tử, kết nối với các sàn giao dịch Thương mại điện tử trong và ngoài nước góp phần thúc đẩy thương mại trực tuyến xuyên biên giới; góp phần nâng cao năng suất lao động, gia tăng hiệu quả kinh doanh, chủ động hội nhập quốc tế.

e) Tổ chức tăng cường, đẩy mạnh tuyên truyền, khuyến khích quảng bá gia tăng các kênh thanh toán điện tử cho khách hàng khi tham gia thanh toán, mua sắm qua các kênh thương mại điện tử của hệ thống phân phối hàng hóa.

2. Nhiệm vụ, chức năng:

a) Tổng Công ty được Nhà nước giao quản lý và sử dụng vốn, tài sản, đất đai, xây dựng chiến lược dài hạn nhằm khai thác hiệu quả và phát triển.

b) Đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết cùng ngành, chi phối các Công ty con theo mức độ nắm giữ vốn điều lệ của các Công ty đó theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Điều lệ Công ty con.

c) Trực tiếp kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận theo quy định của pháp luật. Các quan hệ kinh tế giữa Tổng Công ty với các doanh nghiệp thành viên được thực hiện thông qua hợp đồng thương mại, dân sự, đầu tư theo quy định pháp luật.

d) Thực hiện quyền và nghĩa vụ của Cơ quan đại diện chủ sở hữu, thành viên hoặc cổ đông tại các doanh nghiệp thành viên.

đ) Thực hiện những công việc khác mà Nhà nước trực tiếp giao.

e) Giữ vai trò trọng tâm để lãnh đạo, điều hành và chi phối hoạt động của các doanh nghiệp thành viên theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và Điều lệ của các doanh nghiệp thành viên nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất của các Tổng Công ty và của từng doanh nghiệp thành viên.

3. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành
1	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp <i>Chi tiết: Bán lẻ nông, lâm sản; nguyên liệu vật tư nông - dược phẩm; phân bón, lông vũ; hóa chất; thức ăn gia súc; vàng, bạc, đá quý; giày, dép, mũ; dệt may da (không tồn trữ hóa chất)</i>
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng</i>

3	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp <i>(Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Tp Hồ Chí Minh)</i>
4	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>Chi tiết: Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ, hàng trang trí nội thất; văn phòng phẩm; mỹ phẩm, nước hoa; đồ dùng cá nhân và gia đình; đồ chơi trẻ em; dụng cụ thể dục thể thao; sản phẩm đồ gỗ; nước sinh hoạt. Bán buôn trang thiết bị, dụng cụ y tế.</i>
5	Bán buôn đồ uống <i>Chi tiết: Bán buôn rượu, bia</i>
6	Bốc xếp hàng hóa <i>(trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)</i>
7	Điều hành tua du lịch <i>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế</i>
8	Bán buôn kim loại và quặng kim loại <i>Chi tiết: Bán buôn vàng, bạc, đá quý</i>
9	Chế biến và bảo quản rau quả <i>Chi tiết: Sản xuất, chế biến nông - lâm - thủy - hải sản (không hoạt động tại trụ sở)</i>
10	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan <i>Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)</i>
11	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh <i>(trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)</i>
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà ở, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, kho bãi, cầu cảng, khu công nghiệp. Cho thuê văn phòng, mặt bằng, quầy cảng, dịch vụ kho vận.</i>
13	Quảng cáo
14	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ thẻ cào điện thoại; máy móc, thiết bị bưu chính, viễn thông</i>
15	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác

16	Bưu chính
17	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
18	Bán buôn thực phẩm <i>Chi tiết: Bán buôn lương thực, thực phẩm, thực phẩm công nghệ, thực phẩm chế biến, thủy sản (không hoạt động tại trụ sở); Nhập khẩu trực tiếp thiết bị, vật tư, nguyên nhiên liệu, hàng hóa khác phục vụ sản xuất và kinh doanh của đơn vị; Xuất khẩu trực tiếp các mặt hàng nông lâm thủy hải sản, súc sản, hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh)</i>
19	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Bán buôn hàng kim khí điện máy; máy phát điện, máy bơm nước, bình ắc quy, máy công cụ các loại</i>
20	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ hàng kim khí điện máy; máy phát điện, máy bơm nước, bình ắc quy, máy công cụ các loại; hàng thủ công mỹ nghệ, hàng trang trí nội thất; văn phòng phẩm; mỹ phẩm, nước hoa; đồ dùng cá nhân và gia đình; đồ chơi trẻ em; dụng cụ thể dục thể thao; sản phẩm đồ gỗ; nước sinh hoạt</i>
21	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ rượu, bia</i>
22	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Bán buôn nguyên liệu vật tư nông - dược phẩm; phân bón, lông vũ; hóa chất; thức ăn gia súc (không tồn trữ hóa chất)</i>
23	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông <i>Chi tiết: Bán buôn thẻ cào điện thoại; máy móc, thiết bị bưu chính, viễn thông</i>
24	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ thuốc lá nội (thực hiện đúng theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)</i>
25	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: sản xuất đá, nước sinh hoạt, ép củi trấu.</i>

26	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Bán lẻ vật liệu xây dựng</i>
27	Hoạt động cấp tín dụng khác <i>Chi tiết: Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác</i>
28	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động <i>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không hoạt động tại trụ sở)</i>
29	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)</i>
30	Nuôi trồng thủy sản biển <i>Chi tiết: Nuôi trồng đánh bắt, khai thác, chế biến nông lâm hải sản, súc sản (không hoạt động tại trụ sở)</i>
31	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu. Dịch vụ phục vụ thủy thủ và thu mua thủy sản</i>
32	Sửa chữa máy móc, thiết bị <i>Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)</i>
33	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Chế biến, bảo quản thịt gia cầm và các sản phẩm từ thịt khác (không chế biến tại trụ sở)</i>
34	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt gia cầm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)</i>
35	Bán mô tô, xe máy <i>Chi tiết: Mua bán xe gắn máy và phụ tùng các loại</i>
36	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt <i>Chi tiết: Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, đóng hộp, giết mổ, đóng gói, bảo quản thịt; sản xuất thịt ướp lạnh hoặc đông lạnh; sản xuất các sản phẩm thịt (không hoạt động tại trụ sở)</i>
37	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản <i>Chi tiết: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, đóng hộp, chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh, thủy sản khô (không hoạt động tại trụ sở)</i>

38	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải <i>Chi tiết:</i> - Đại lý bán vé tàu, máy bay; - Dịch vụ trông giữ xe ô tô, xe 2 bánh (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, hóa lỏng khí để vận chuyển).
39	Xay xát và sản xuất bột thô (không hoạt động tại trụ sở).
40	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở).
41	Sản xuất sản phẩm từ plastic (không hoạt động tại trụ sở).
42	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) <i>Chi tiết: Đại lý đối ngoại tề cho tổ chức tín dụng.</i>
43	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không hoạt động tại trụ sở).
44	Sản xuất các loại bánh từ bột (không hoạt động tại trụ sở).
45	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận
46	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất <i>Chi tiết: Quản lý vận hành nhà chung cư; Môi giới bất động sản</i>
47	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp
48	Vệ sinh chung nhà cửa (trừ xông hơi khử trùng)
49	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan
50	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp
51	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép <i>Chi tiết: Bán buôn vải; thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; hàng may mặc; giày, dép, mũ; dệt may da</i>
52	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ trang thiết bị, dụng cụ y tế</i>
53	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)
54	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống <i>Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản; Bán buôn động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)</i>

55	Xây dựng nhà để ở
56	Sản xuất điện
57	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ <i>Chi tiết: Bán buôn gạo</i>
58	Xây dựng nhà không để ở
59	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>Chi tiết: Xây dựng công trình kho bãi, cầu cảng khu công nghiệp</i>
60	Truyền tải và phân phối điện <i>(Không hoạt động tại trụ sở)</i>
61	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt <i>(trừ xông hơi khử trùng)</i>
62	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh</i>
	Các ngành, nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm theo yêu cầu phát triển của Tổng Công ty được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định phê duyệt bổ sung ngành nghề, phê duyệt dự án và các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao, tuân thủ các quy định của pháp luật về đăng ký ngành nghề kinh doanh.

Điều 5. Vốn điều lệ, điều chỉnh vốn điều lệ

1. Mức vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm ban hành Điều lệ là 8.660.000.000.000 đồng (Tám ngàn sáu trăm sáu mươi tỉ đồng) gồm vốn do Cơ quan đại diện chủ sở hữu góp vào Tổng Công ty, Quỹ đầu tư phát triển, nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, chênh lệch đánh giá lại tài sản, nguồn vốn khác và Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng Công ty.

2. Việc điều chỉnh vốn điều lệ của Tổng Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Nguồn vốn bổ sung tăng vốn điều lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Điều lệ này. Khi điều chỉnh vốn điều lệ, Tổng Công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ tại cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chủ sở hữu Tổng Công ty

Nhà nước là chủ sở hữu của Tổng Công ty. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là Cơ quan đại diện chủ sở hữu được Chính phủ giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thành lập.

Điều 7. Áp dụng quy định, quy chế đối với Tổng Công ty

1. Tổng Công ty được tổ chức, quản lý theo quy định pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác có liên quan, theo quy định tại Điều lệ này và các quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc ban hành trong quá trình hoạt động. Người giữ chức danh, chức vụ trong bộ máy giúp việc có trách nhiệm rà soát, căn cứ vào các quy định pháp luật có hiệu lực thi hành để đề xuất Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty. Các quy chế quản lý nội bộ được gửi đến Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để báo cáo cụ thể các nội dung quản lý tại Tổng Công ty không trái với các quy định pháp luật có liên quan và phù hợp với Điều lệ trong quá trình tổ chức thực hiện, đồng thời các quy chế quản lý nội bộ còn được gửi cho Ban Kiểm soát Tổng Công ty để giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ các quy chế của Tổng Công ty theo quy định.

2. Trong quá trình hoạt động, cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng Công ty có thể được thay đổi để phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh, quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo thẩm quyền phù hợp quy định của pháp luật.

Chương II

QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU ĐỐI VỚI TỔNG CÔNG TY

Điều 8. Quyền của Cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với Tổng Công ty

1. Quyết định tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản.

2. Quyết định chuyển giao vốn Nhà nước tại Tổng Công ty giữa Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và doanh nghiệp có chức năng đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước sau khi được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương.

3. Ban hành Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; quyết định, điều chỉnh vốn điều lệ. Phê duyệt mức vốn điều lệ của Tổng Công ty (kể cả điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động) trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; thẩm định hồ sơ, phương án bổ sung vốn điều lệ; phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp: thực hiện cấp bổ sung vốn điều lệ cho Tổng Công ty theo quy định phù hợp với từng nguồn vốn bổ sung vốn điều lệ.

Ban hành Quy chế Tài chính của Tổng Công ty theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

4. Phê duyệt chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 (năm) năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty.

5. Quyết định về quy hoạch (theo phân cấp quản lý cán bộ của Thành phố), bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên.

Quyết định hoặc có ý kiến trước khi Hội đồng thành viên quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Tổng Giám đốc theo phân cấp quản lý cán bộ của Thành phố.

Phê duyệt chủ trương theo đề nghị của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, thôi việc đối với Phó Tổng Giám đốc.

6. Thực hiện quyền và trách nhiệm về tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của người quản lý Tổng Công ty theo quy định của Chính phủ về tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

7. Phê duyệt phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, dự án đầu tư ra ngoài Tổng Công ty, dự án đầu tư ra nước ngoài của Tổng Công ty theo quy định tại các Điều 23, 24, 28 và 29 của Luật số 69/2014/QH13.

a) Quyết định để Hội đồng thành viên, ký hợp đồng thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của Tổng Công ty có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Hội đồng thành viên theo quy định của Luật số 69/2014/QH13 và quy định hướng dẫn của Chính phủ.

b) Phê duyệt phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Hội đồng thành viên theo quy định của Luật số 69/2014/QH13 và quy định hướng dẫn của Chính phủ.

c) Quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Quốc hội hoặc thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại Tổng Công ty, pháp luật về đầu tư, pháp luật về quản lý ngoại hối và pháp luật có liên quan.

8. Cấp vốn để thực hiện việc đầu tư vốn Nhà nước vào Tổng Công ty sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp để thực hiện việc đầu tư vốn Nhà nước vào Tổng Công ty sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định việc chuyển nhượng vốn đầu tư của Tổng Công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong trường hợp giá trị chuyển nhượng thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của Tổng Công ty sau khi đã bù trừ dự phòng tổn thất vốn đầu tư.

9. Quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của Tổng Công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn

hai thành viên trở lên; quyết định chủ trương tiếp nhận công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành Công ty con, Công ty liên kết của Tổng Công ty.

10. Phê duyệt báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của Tổng Công ty.

11. Phê duyệt chủ trương để Hội đồng thành viên quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật.

12. Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, việc tuyển dụng lao động, thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng của Tổng Công ty; có ý kiến về việc giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền đối với hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn Nhà nước tại Tổng Công ty.

13. Đánh giá kết quả hoạt động, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong quản lý, điều hành của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định hướng dẫn của Chính phủ.

14. Quyết định đánh giá, cử, cử lại, cho thôi đại diện phần vốn Nhà nước, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với người đại diện phần vốn Nhà nước.

15. Thực hiện các quyền, trách nhiệm khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Nghĩa vụ của Cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với Tổng Công ty

1. Đầu tư đủ vốn điều lệ cho Tổng Công ty.

2. Tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty.

3. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của Tổng Công ty; xác định và tách biệt tài sản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước và tài sản của Tổng Công ty.

4. Tuân thủ pháp luật khi phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay của Tổng Công ty.

5. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Tổng Công ty và Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

6. Cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi Tổng Công ty dưới hình thức khác thì Cơ quan đại diện chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty.

7. Cấp vốn để thực hiện việc đầu tư vốn Nhà nước vào Tổng Công ty sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

8. Cơ quan đại diện chủ sở hữu không được rút lợi nhuận khi Tổng Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

9. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật.

Chương III CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ TỔNG CÔNG TY

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng Công ty

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng Công ty theo mô hình:

- a) Hội đồng thành viên;
- b) Tổng Giám đốc;
- c) Ban Kiểm soát.

2. Bộ máy giúp việc bao gồm: Không quá năm (05) Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng và các Phòng, Ban chuyên môn nghiệp vụ.

3. Đơn vị phụ thuộc.

Điều 11. Người đại diện theo pháp luật.

1. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty là Tổng Giám đốc Tổng Công ty, được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cử làm người đại diện theo pháp luật; hoặc do Hội đồng thành viên cử làm người đại diện theo pháp luật căn cứ theo phương án nhân sự đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận.

2. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty đại diện cho Tổng Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng Công ty, đại diện cho Tổng Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Tổng Giám đốc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trở lại làm việc hoặc cho đến khi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng thành viên quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật.

5. Khi người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Chủ tịch Hội đồng thành viên báo cáo, xin ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty cho đến khi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

6. Thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này.

Mục 1

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 12. Chức năng và cơ cấu của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên là đại diện Chủ sở hữu Nhà nước trực tiếp tại Tổng Công ty; nhân danh Tổng Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty theo quyền hạn và nhiệm vụ được giao, Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan. Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và trước pháp luật về mọi hoạt động của Tổng Công ty.

2. Hội đồng thành viên gồm Chủ tịch và các thành viên khác do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu.

Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên và thành viên Hội đồng thành viên khác không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng thành viên có thể được bổ nhiệm lại. Một cá nhân được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên không quá 02 nhiệm kỳ trừ trường hợp đã có trên 15 năm làm việc liên tục tại Tổng Công ty trước khi được bổ nhiệm lần đầu.

3. Số lượng thành viên từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên do Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định cơ cấu, số lượng thành viên Hội đồng thành viên theo quy mô và đặc điểm sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty trong quá trình hoạt động.

Điều 13. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản Tổng Công ty.

Hội đồng thành viên đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: quy hoạch (theo phân cấp quản lý cán bộ của Thành phố), bổ nhiệm (hoặc thuê đối với chức danh Tổng Giám đốc), bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá, thôi việc, nghỉ hưu, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên Tổng Công ty.

Hội đồng thành viên có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn của Tổng Công ty; báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về biến động vốn của Tổng Công ty.

2. Hội đồng thành viên có quyền quyết định sau khi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt về các nội dung sau đây:

a) Chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty.

b) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, thôi việc đối Phó Tổng Giám đốc.

c) Huy động vốn, đầu tư, xây dựng, mua, bán, quản lý, sử dụng tài sản cố định, dự án đầu tư ra ngoài Tổng Công ty, dự án đầu tư ra nước ngoài của Tổng Công ty theo quy định tại các điều 23, 24, 25, 28 và 29 của Luật số 69/2014/QH13.

d) Góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của Tổng Công ty đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

đ) Tiếp nhận công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành Công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty.

e) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

g) Báo cáo tài chính; phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của Tổng Công ty.

3. Hội đồng thành viên có quyền quyết định về các nội dung sau đây:

a) Quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty.

b) Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác đối với Tổng Giám đốc, các chức danh khác do Hội đồng thành viên bổ nhiệm.

c) Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

d) Quyết định phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán, quản lý, sử dụng tài sản cố định, dự án đầu tư ra ngoài Tổng Công ty thuộc thẩm quyền với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

đ) Quyết định hợp đồng vay và các hợp đồng, giao dịch kinh tế, thương mại, dân sự có giá trị trên mức phân cấp cho Tổng Giám đốc Tổng Công ty quy định tại khoản 3 Điều 24 Điều lệ này.

e) Quyết định kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm, chủ trương phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của Tổng Công ty.

g) Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ và quyết định thành lập đơn vị kiểm toán nội bộ của Tổng Công ty.

h) Ủy quyền, phân cấp cho Tổng Giám đốc thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên theo khoản 3 Điều 24 Điều lệ này.

i) Quyết định việc giới thiệu, đề cử, quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty tại các công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên có phần vốn góp của Tổng Công ty.

4. Hội đồng thành viên quản lý, điều hành Tổng Công ty tuân thủ quy định của pháp luật và quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong quản lý, sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn; báo cáo kịp thời Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khi Tổng Công ty hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành nhiệm vụ được giao và những trường hợp sai phạm khác.

6. Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất vốn, tài sản của Tổng Công ty.

7. Hội đồng thành viên, Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan.

8. Các quyền và trách nhiệm khác được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao.

9. Thực hiện quyền quản lý vốn, tài sản của Tổng Công ty tại công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên mà Tổng Công ty có phần vốn góp theo quy định pháp luật.

Điều 14. Nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên và các thành viên khác của Hội đồng thành viên

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty và Nhà nước.

3. Trung thành với lợi ích của Tổng Công ty và Nhà nước; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời đầy đủ và chính xác cho Tổng Công ty về các doanh nghiệp mà mình và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần góp vốn. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Tổng Công ty.

5. Chấp hành các quyết định của Hội đồng thành viên.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng Công ty thực hiện các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật.

b) Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Tổng Công ty.

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng Công ty.

7. Trường hợp thành viên Hội đồng thành viên phát hiện thành viên Hội đồng thành viên khác có hành vi vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; yêu cầu thành viên vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu.

Điều 15. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng thành viên

1. Không thuộc đối tượng quy định không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của Tổng Công ty.

3. Không phải là người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Cơ quan đại diện chủ sở hữu; thành viên Hội đồng thành viên; Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Tổng Công ty; Kiểm soát viên Tổng Công ty.

4. Không phải là người quản lý doanh nghiệp thành viên.

5. Việc kiêm nhiệm các chức danh, chức vụ khác của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên được quy định như sau:

a) Thành viên Hội đồng thành viên không được kiêm nhiệm các chức danh quản lý của Tổng Công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này.

b) Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng không được kiêm nhiệm các chức danh quản lý của Tổng Công ty và các doanh nghiệp khác.

c) Trừ Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên khác của Hội đồng thành viên có thể kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc) công ty khác không phải là doanh nghiệp thành viên theo quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

d) Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên không là cán bộ, công chức, viên chức.

6. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của Doanh nghiệp Nhà nước.

7. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 16. Miễn nhiệm, cách chức thành viên Hội đồng thành viên

1. Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng thành viên bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 93 của Luật Doanh nghiệp về Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng thành viên;

b) Có đơn xin từ chức và được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận bằng văn bản;

c) Có quyết định điều chuyển, bố trí công việc khác hoặc nghỉ hưu;

d) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao;

đ) Không đủ sức khỏe hoặc không còn uy tín để giữ chức vụ thành viên Hội đồng thành viên;

e) Các lý do miễn nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng thành viên bị cách chức trong trường hợp sau đây:

a) Tổng Công ty không hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch được giao, không bảo toàn và phát triển vốn đầu tư theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mà không giải trình được nguyên nhân khách quan hoặc giải trình nguyên nhân nhưng không được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận;

b) Bị Tòa án kết án và bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

c) Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của Tổng Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và kết quả sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty.

d) Các lý do cách chức khác theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm hoặc cách chức Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng thành viên, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm người khác thay thế.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên của Tổng Công ty do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật.

Chủ tịch Hội đồng thành viên là thành viên chuyên trách, không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của Tổng Công ty và các doanh nghiệp khác.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Xây dựng kế hoạch hoạt động hằng quý và hằng năm của Hội đồng thành viên; chuẩn bị hoặc tổ chức chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên; quyết định chương trình nội dung, tài liệu phục vụ họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức lấy ý kiến các thành viên; triệu tập và chủ trì các cuộc họp Hội đồng thành viên.

b) Tổ chức thực hiện quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và nghị quyết Hội đồng thành viên; giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, có quyền thay mặt Hội đồng thành viên quyết định đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc Tổng Công ty trái với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng thành viên.

c) Thay mặt Hội đồng thành viên hoặc ủy quyền cho thành viên khác của Hội đồng thành viên ký các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng thành viên.

d) Thay mặt Hội đồng thành viên ký nhận vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đầu tư hoặc giao cho Tổng Công ty quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật; quản lý Tổng Công ty theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng thành viên.

đ) Tổ chức nghiên cứu và soạn thảo chiến lược phát triển, kế hoạch trung hạn, dài hạn, các dự án đầu tư quan trọng; Phương án đổi mới tổ chức nhân sự chủ chốt của Tổng Công ty để trình Hội đồng thành viên.

e) Tổ chức xây dựng, giám sát việc thực hiện Quy chế Tài chính, Quy chế Người đại diện của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên và các quy chế quản lý nội bộ khác của Tổng Công ty.

g) Tổ chức công bố, công khai thông tin về Tổng Công ty theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực và tính hệ thống của thông tin được công bố.

h) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ các thành viên khác của Hội đồng thành viên

1. Tham dự cuộc họp Hội đồng thành viên, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.

2. Kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép, trích lục sổ ghi chép và theo dõi họp đồng, giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên, các giấy tờ và tài liệu khác của Tổng Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 19. Chế độ làm việc, điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên làm việc theo chế độ tập thể; họp ít nhất một lần trong một Quý để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với những vấn đề không yêu cầu thảo luận thì Hội đồng thành viên có thể lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản.

Hội đồng thành viên có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hoặc theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc trên 50% tổng số thành viên Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc thành viên Hội đồng thành viên được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền có trách nhiệm chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu, triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên. Các thành viên Hội đồng thành viên có quyền kiến nghị bằng văn bản về chương trình họp.

3. Nội dung và tài liệu cuộc họp phải được gửi đến các thành viên Hội đồng thành viên và các đại biểu được mời dự họp (nếu có) ít nhất 3 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Đối với tài liệu liên quan đến nội dung về kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty, thông qua phương hướng phát triển Tổng Công ty, thông qua báo cáo tài chính hằng năm, tổ chức lại hoặc giải thể Tổng Công ty phải được gửi đến các thành viên ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp.

4. Thông báo mời họp có thể bằng giấy mời hoặc các công cụ điện tử, truyền thông khác (nếu có) và được gửi trực tiếp đến từng thành viên Hội đồng thành viên và đại biểu khác (nếu có). Nội dung mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp. Hình thức họp trực tuyến có thể áp dụng khi cần thiết.

Điều 20. Thể thức thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng thành viên

1. Các cuộc họp lấy ý kiến các thành viên của Hội đồng thành viên được coi là họp lệ khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng thành viên tham dự.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên có hiệu lực khi có hơn một nửa số thành viên Hội đồng thành viên tham dự biểu quyết đồng ý; trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì bên có phiếu của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc thành viên được ủy quyền chủ trì cuộc họp là quyết định. Thành viên Hội đồng thành viên có quyền bảo lưu ý kiến của mình ghi trong Biên bản cuộc họp và được quyền kiến nghị lên Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Trường hợp lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thành viên bằng văn bản thì Nghị quyết, Quyết định của Hội Đồng thành viên có hiệu lực khi có hơn một nửa tổng số thành viên đồng ý.

Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên Hội đồng thành viên.

3. Căn cứ nội dung và chương trình cuộc họp, khi xét thấy cần thiết, Hội đồng thành viên có quyền hoặc có trách nhiệm mời đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức có liên quan tham dự và thảo luận các vấn đề cụ thể trong chương trình họp. Đại diện cơ quan, tổ chức được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết. Các ý kiến phát biểu của đại diện cơ quan, tổ chức được mời dự họp được ghi đầy đủ vào Biên bản cuộc họp.

4. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, các quyết định được Hội đồng thành viên thông qua và kết luận cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được ghi thành Biên bản. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản họp Hội đồng thành viên. Biên bản họp Hội đồng thành viên phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) Thời gian, địa điểm, mục đích, chương trình họp, danh sách thành viên dự họp; vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên về từng vấn đề thảo luận.

b) Số phiếu biểu quyết “Đồng ý” và “Không đồng ý” (trường hợp không áp dụng phương thức bỏ phiếu trắng) hoặc số phiếu biểu quyết “Đồng ý”, “Không đồng ý” và “Không có ý kiến” (trường hợp áp dụng phương thức bỏ phiếu trắng).

c) Các quyết định được thông qua; họ tên, chữ ký của thành viên dự họp.

5. Thành viên Hội đồng thành viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý, điều hành trong Tổng Công ty, Công ty con do Tổng Công ty nắm 100% vốn điều lệ, người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của doanh nghiệp theo quy chế thông tin do Hội đồng thành viên quy định hoặc theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên.

Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng thành viên, trừ trường hợp Hội đồng thành viên có quyết định khác.

6. Hội đồng thành viên sử dụng bộ máy điều hành, bộ phận giúp việc của Tổng Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình. Chi phí hoạt động của Hội đồng thành viên, kể cả tiền lương, phụ cấp và thù lao khác... được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp của Tổng Công ty.

7. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng thành viên được quyền tổ chức việc lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền Hội đồng thành viên. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế Tài chính của Tổng Công ty.

8. Nghị quyết của Hội đồng thành viên có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực ghi trong nghị quyết đó, trừ các trường hợp phải được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận.

Điều 21. Quan hệ giữa Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành Tổng Công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng thành viên nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Tổng Công ty thì Tổng Giám đốc báo cáo với Hội đồng thành viên để xem xét điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định. Trường hợp Hội đồng thành viên không điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định thì Tổng Giám đốc có thể báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng vẫn phải thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng thành viên.

2. Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh hằng tháng, quý, năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Tổng Công ty cho Hội đồng thành viên (thời hạn gửi báo cáo do Hội đồng thành viên quy định); báo cáo đột xuất về các vấn đề quản trị, tổ chức quản lý và điều hành theo yêu cầu của Hội đồng thành viên.

3. Tổng Giám đốc phải mời Chủ tịch Hội đồng thành viên tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các báo cáo, nội dung, đề án do Tổng Giám đốc chủ trì trình Hội đồng thành viên hoặc trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định theo thẩm quyền. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người được ủy quyền tham dự có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

4. Trường hợp Tổng Giám đốc không là thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc được mời tham gia cuộc họp của Hội đồng thành viên và được quyền phát biểu ý kiến, nhưng không được quyền biểu quyết.

5. Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc xây dựng thống nhất về quy trình, thủ tục liên quan, mối quan hệ trong hoạt động:

a) Thủ tục, trình tự triệu tập, Thông báo mời họp, ghi biên bản; Thông báo kết quả họp do Chủ tịch Hội đồng thành viên chủ trì, Tổng Giám đốc chủ trì, Thông báo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên; Quyết định của Tổng Giám đốc.

b) Các trường hợp, các vấn đề Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng thành viên để xin ý kiến về những nội dung quan trọng, cấp bách thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.

c) Thể thức Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng thành viên.

Điều 22. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

Các tranh chấp nội bộ được giải quyết dựa trên nguyên tắc quản lý người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn Nhà nước theo quy định pháp luật.

1. Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng trong công tác quản lý, sử dụng người quản lý doanh nghiệp Nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

3. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, phân định rõ trách nhiệm của tập thể và trách nhiệm cá nhân, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ.

4. Trường hợp người quản lý Tổng Công ty, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp kiêm nhiệm nhiều chức danh, chức vụ khác nhau phải bảo đảm không được xung đột lợi ích.

5. Trường hợp luật có quy định khác về quản lý, sử dụng người quản lý doanh nghiệp Nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn Nhà nước khác với quy định tại Điều lệ này thì thực hiện theo quy định của luật đó.

Điều 23. Tiền lương, phụ cấp, thù lao, tiền thưởng của thành viên Hội đồng thành viên

Tiền lương, thù lao, phụ cấp, tiền thưởng của Hội đồng thành viên được xác định theo quy định của pháp luật có liên quan.

1. Tiền lương, thù lao của Hội đồng thành viên được xác định theo hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tiền thưởng của thành viên Hội đồng thành viên được xác định trên cơ sở hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, xếp loại Tổng Công ty, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và quy định của pháp luật có liên quan, được trích từ lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty.

Mục 2

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY

Điều 24. Quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người đại diện pháp luật của Tổng Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ điều hành các hoạt động hằng ngày của Tổng Công ty và có quyền, nghĩa vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, phương án kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Tổng Công ty.

b) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng thành viên, và của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Quyết định các công việc hằng ngày của Tổng Công ty.

d) Triển khai thực hiện các quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty đã được Hội đồng thành viên chấp thuận, ban hành; hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty đã được Hội đồng thành viên chấp thuận, giao Tổng Giám đốc ban hành.

đ) Quyết định phân công nhiệm vụ cho các Phó Tổng Giám đốc; quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, mức lương và phụ cấp hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với các chức danh quản lý khác trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.

e) Ký kết hợp đồng, giao dịch nhân danh Tổng Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

g) Lập và trình Hội đồng thành viên báo cáo định kỳ hằng quý, hằng năm về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh; báo cáo tài chính.

h) Kiến nghị phân bổ và sử dụng lợi nhuận sau thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Tổng Công ty.

i) Tuyển dụng lao động.

k) Kiến nghị phương án tổ chức lại Tổng Công ty.

l) Giới thiệu và đề cử để Hội đồng thành viên quyết định việc giới thiệu, đề cử và quản lý người giữ chức danh chức vụ, người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty tại các công ty cổ phần, công ty TNHH Hai thành viên trở lên có phần vốn góp của Tổng Công ty.

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

3. Hội đồng thành viên phân cấp thẩm quyền cho Tổng Giám đốc quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên về: phương án huy động vốn; dự án đầu tư vốn ra ngoài Tổng Công ty; dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định của Tổng Công ty; quyết định các hợp đồng thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản; các hợp đồng, giao dịch kinh tế, dân sự, thương mại, hợp đồng vay; dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị, mua sắm phần mềm, cải tạo, sửa chữa các công trình hiện hữu và các nội dung phân cấp khác theo một tỷ lệ cụ thể quy định tại quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty do Hội đồng thành viên phê duyệt, ban hành nhưng không vượt quá thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên được quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật hiện hành.

4. Tổng Giám đốc có thể là thành viên Hội đồng thành viên. Chủ tịch Hội đồng thành viên không kiêm Tổng Giám đốc.

5. Tổng Giám đốc không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.

6. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 15 tại Điều lệ này, Điều 101 Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

7. Tổng Giám đốc đề xuất Hội đồng thành viên đề trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định hoặc phê duyệt các nội dung thuộc quyền của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

8. Tổng Giám đốc đề xuất Hội đồng thành viên xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên Tổng Công ty.

9. Thực hiện giám sát, kiểm tra các đơn vị phụ thuộc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá và các quy định khác trong nội bộ Tổng Công ty; theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động các doanh nghiệp thành viên theo sự phân công của Hội đồng thành viên Tổng Công ty.

10. Trình Hội đồng thành viên báo cáo quyết toán tài chính hằng năm; kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh. Báo cáo Hội đồng thành viên về kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty; thực hiện công bố thông tin, công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

11. Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây đối với các đơn vị phụ thuộc, doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp khác có vốn góp:

a) Xây dựng phương án phối hợp kinh doanh giữa các đơn vị phụ thuộc, Công ty con trình Hội đồng thành viên; tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh chung, kế hoạch đầu tư giữa các đơn vị;

b) Giám sát, kiểm tra các đơn vị phụ thuộc, doanh nghiệp thành viên thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá quy định trong nội bộ nhóm công ty theo quy định của Tổng Công ty và quy định của pháp luật.

12. Trường hợp Tổng Công ty vắng Tổng Giám đốc thì Tổng Giám đốc sẽ ủy quyền 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty trong thời gian Tổng Giám đốc vắng mặt.

13. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét và quyết định miễn nhiệm, thay thế Tổng Giám đốc theo đề nghị của Hội đồng thành viên.

Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 101 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn xin nghỉ việc.

c) Các trường hợp miễn nhiệm khác theo quy định pháp luật.

14. Tổng Giám đốc bị xem xét cách chức trong trường hợp sau đây:

a) Tổng Công ty không bảo toàn được vốn theo quy định của pháp luật;

b) Tổng Công ty không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh hằng năm;

c) Tổng Công ty vi phạm pháp luật;

d) Không có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh mới của Tổng Công ty;

đ) Vi phạm một trong số các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người quản lý quy định tại Điều 97 và Điều 100 của Luật Doanh nghiệp;

e) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

15. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định hoặc có ý kiến trước khi Hội đồng thành viên quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm người khác thay thế.

16. Các trường hợp khác theo quy định tại quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng thuê Tổng Giám đốc, theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Hợp đồng, giao dịch với những người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với những người sau đây phải được Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên chấp thuận:

a) Cơ quan đại diện chủ sở hữu và người có liên quan của Cơ quan đại diện chủ sở hữu;

b) Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên;

c) Người có liên quan của người quy định tại điểm b khoản này;

d) Người quản lý của Cơ quan đại diện chủ sở hữu, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó;

đ) Người có liên quan của những người quy định tại điểm d khoản này.

2. Người nhân danh Tổng Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên Tổng Công ty về các đối tượng có liên quan và lợi ích có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch đó.

3. Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo theo nguyên tắc đa số, mỗi người có một phiếu biểu quyết; người có liên quan đến các bên không có quyền biểu quyết.

4. Hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Các bên ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt;

b) Giá sử dụng trong hợp đồng hoặc giao dịch là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện;

c) Cơ quan đại diện chủ sở hữu tuân thủ đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 4 Điều 77 của Luật Doanh nghiệp.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật nếu được ký kết không đúng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này. Người ký kết hợp đồng, giao dịch và người có liên quan là các bên của hợp đồng, giao dịch liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh và hoàn trả cho Tổng Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Hợp đồng, giao dịch với những người có liên quan phải lưu giữ thành hồ sơ riêng của Tổng Công ty.

Điều 26. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc

1. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt chủ trương theo đề nghị của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc.

Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền. Việc ủy quyền có liên quan đến sử dụng con dấu của Tổng Công ty đều phải thể hiện bằng văn bản.

Hội đồng thành viên quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Phó Tổng Giám đốc theo đề nghị của Tổng Giám đốc sau khi có sự phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Phó Tổng Giám đốc được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với thời hạn tối đa không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật có liên quan.

Tổng Công ty có tối đa không quá 05 (năm) Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng thành viên quyết định phù hợp quy mô, đặc điểm sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty và theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

2. Kế toán trưởng do Hội đồng thành viên quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với thời hạn không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

Kế toán trưởng có tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ theo phân công của Tổng Giám đốc phù hợp với quy định của pháp luật về tài chính, kế toán và quy định pháp luật có liên quan. Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng thành viên và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

3. Bộ máy giúp việc gồm: các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc quản lý, điều hành Tổng Công ty, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp khác.

Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy chế hoạt động, phối hợp của bộ máy giúp việc do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được Hội đồng thành viên chấp thuận, cụ thể:

a) Đề nghị Hội đồng thành viên phê chuẩn về việc thay đổi cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ cho phù hợp với yêu cầu hoạt động của Tổng Công ty và quy định pháp luật;

b) Ra quyết định giải thể, sáp nhập, thành lập mới hoặc đổi tên các phòng, ban bộ máy điều hành sau khi đã được Hội đồng thành viên phê duyệt phương án;

c) Quyết định thành lập các Ban chỉ đạo, Ban quản lý để thực hiện những nhiệm vụ, dự án cụ thể của Tổng Công ty theo từng thời điểm sau khi được Hội đồng thành viên phê chuẩn phương án và các Ban này sẽ giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ được giao.

4. Chế độ lương, các khoản phụ cấp, tiền thưởng của Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, bộ máy giúp việc thực hiện theo quy định của Tổng Công ty và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 27. Đơn vị phụ thuộc Tổng Công ty

1. Chi nhánh, văn phòng đại diện, các địa điểm kinh doanh là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty, không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn, tài sản của đơn vị hạch toán phụ thuộc được hạch toán kế toán tập trung tại Tổng Công ty và thuộc sở hữu của Tổng Công ty. Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty được ký kết các hợp đồng kinh tế, thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, tổ chức và nhân sự theo phân cấp và ủy quyền của Tổng Công ty quy định trong Điều lệ hoặc quy chế của đơn vị hạch toán phụ thuộc do Tổng Giám đốc xây dựng và trình Hội đồng thành viên phê duyệt, ban hành. Tổng Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

2. Chi nhánh, văn phòng đại diện và các địa điểm kinh doanh hoạt động theo quy chế do Hội đồng thành viên phê duyệt và Tổng Giám đốc ký ban hành phù hợp với quy định pháp luật có liên quan. Trong quá trình hoạt động, Hội đồng thành viên quyết định hoặc phê duyệt theo thẩm quyền việc thành lập mới hoặc chấm dứt hoạt động các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

Mục 3

BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 28. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Căn cứ quy mô của Tổng Công ty, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định quyết định thành lập Ban kiểm soát có từ 01 đến 05 Kiểm soát viên, trong đó có Trưởng Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục tại Tổng Công ty. Trường hợp Ban kiểm soát chỉ có 01 Kiểm soát viên thì Kiểm soát viên đó đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát và phải đáp ứng tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện, chế độ hoạt động, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên và mối quan hệ của Kiểm soát viên với các cá nhân, tổ chức có liên quan của Tổng Công ty, tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều lệ này, pháp luật về doanh nghiệp, quy định pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên Tổng Công ty do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Kiểm soát viên được hưởng chế độ phúc lợi, ưu đãi và tham gia các hoạt động xã hội, đoàn thể của Tổng Công ty như cán bộ, nhân viên và người lao động của Tổng Công ty.

Điều 29. Nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh;
2. Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Tổng Công ty.
3. Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên và Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng Công ty.
4. Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế về quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo, quy chế quản lý nội bộ khác của Tổng Công ty.
5. Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan.
6. Giám sát hợp đồng, giao dịch của Tổng Công ty với các bên có liên quan.
7. Giám sát thực hiện dự án đầu tư lớn; hợp đồng, giao dịch mua, bán; hợp đồng, giao dịch kinh doanh khác có quy mô lớn; hợp đồng, giao dịch kinh doanh bất thường của Tổng Công ty .
8. Giám sát thực hiện các dự án đầu tư lớn có giá trị lớn hơn 30% vốn chủ sở hữu hoặc lớn hơn mức vốn của dự án nhóm B theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công, hợp đồng, giao dịch mua, bán, giao dịch kinh doanh có giá trị lớn hơn 10% vốn chủ sở hữu hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; giao dịch kinh doanh bất thường của Tổng Công ty.
9. Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về nội dung quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Hội đồng thành viên;
10. Giám sát việc hợp tác kinh doanh và tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.
Giám sát hoạt động của người đại diện vốn của Tổng Công ty tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần.
Xây dựng Kế hoạch công tác hằng năm, trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt, ban hành trong quý I; thực hiện theo Kế hoạch công tác năm được phê duyệt.
- Đối với những trường hợp cần phải kiểm tra, giám sát đột xuất nhằm phát hiện sớm những sai sót của doanh nghiệp, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên chủ động thực hiện, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
11. Thực hiện nghĩa vụ khác theo yêu cầu, quy định, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 30. Quyền của Ban Kiểm soát

1. Tham gia các cuộc họp Hội đồng thành viên, các cuộc tham vấn, trao đổi chính thức và không chính thức của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với Hội đồng thành viên; chất vấn Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc về kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý, điều hành Tổng Công ty.

2. Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của Tổng Công ty; kiểm tra công việc quản lý, điều hành của Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Yêu cầu Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của Tổng Công ty.

4. Yêu cầu người quản lý công ty báo cáo về thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty con khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

5. Đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán để tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Ban Kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

Điều 31. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, Tổng Công ty và lợi ích hợp pháp của các bên tại Tổng Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Nhà nước và Tổng Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng Công ty thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho Tổng Công ty mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

5. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời yêu cầu Kiểm soát viên chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp phát hiện Kiểm soát viên đó vi phạm quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm được giao.

6. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm soát viên khác và cá nhân có liên quan, đồng thời yêu cầu cá nhân đó chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp sau đây:

a) Phát hiện có thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác làm trái quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái quy định đó;

b) Phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, trái quy định Điều lệ Tổng Công ty hoặc quy chế quản lý nội bộ Tổng Công ty.

Mục 4

NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA QUẢN LÝ TỔNG CÔNG TY

Điều 32. Hình thức tham gia quản lý của người lao động

Người lao động tham gia quản lý Tổng Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu người lao động Tổng Công ty.
2. Tổ chức công đoàn Tổng Công ty.
3. Ban Thanh tra nhân dân.
4. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Nội dung tham gia quản lý Tổng Công ty của người lao động

1. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất với cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy, quy chế nội bộ Tổng Công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.

b) Nội dung của dự thảo hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể trước khi ký kết.

c) Các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tiết kiệm nguyên vật liệu, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp bố trí lao động.

d) Phương án tổ chức lại, chuyển đổi Tổng Công ty.

đ) Tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý, điều hành Tổng Công ty khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật.

e) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tập thể người lao động trong Tổng Công ty có quyền tham gia giám sát:

a) Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị người lao động.

b) Việc thực hiện các nội quy, quy định, quy chế, Điều lệ của Tổng Công ty; thực hiện thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động.

c) Việc thu và sử dụng các loại quỹ do người lao động đóng góp.

d) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động; kết quả thi đua, khen thưởng, kỷ luật hằng năm; kết luận của Thanh tra, Kiểm toán và thực hiện các kiến nghị của Thanh tra, Kiểm toán liên quan đến quyền và lợi ích của người lao động.

đ) Thực hiện các nội dung của quy chế dân chủ tại nơi làm việc Tổng Công ty.

3. Hằng năm Tổng Công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Hội đồng thành viên đã thông qua; đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Tổng Công ty và những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

4. Quan hệ giữa Tổng Công ty và người lao động thực hiện theo các quy định pháp luật về lao động. Tổng Giám đốc lập kế hoạch đề Hội đồng thành viên thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong Tổng Công ty cũng như mối quan hệ giữa Tổng Công ty với tổ chức Công đoàn của người lao động.

Mục 5

TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Điều 34. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng Công ty

1. Đảng ủy Tổng Công ty

a) Đảng ủy Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên (sau đây gọi là Đảng ủy Tổng Công ty) trực thuộc Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, chịu sự lãnh đạo trực tiếp, thường xuyên của Ban Thường vụ Thành ủy; Đảng ủy Tổng Công ty lãnh đạo Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, cán bộ, đảng viên xây dựng và thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo đúng đường lối, chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và định hướng phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh; lãnh đạo công tác chính trị - tư tưởng, công tác tổ chức, cán bộ và các nhiệm vụ khác theo quy định Điều lệ Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có văn phòng đặt tại trụ sở chính của Tổng Công ty, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật, Nghị quyết và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

b) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đảng ủy Tổng Công ty thực hiện theo các quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố và Ban chấp hành Đảng bộ Tổng Công ty.

c) Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Tổng Công ty được sắp xếp theo quy định của Đảng và có thể được sáp nhập với các bộ phận chuyên môn khác của Tổng Công ty phù hợp với quy định chung của Đảng, chỉ đạo cụ thể của Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp với tính chất và mô hình hoạt động của Tổng Công ty trong từng thời kỳ.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội và các đoàn thể khác

a) Hệ thống các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam của Tổng Công ty và các đoàn thể khác được thành lập theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức; có văn phòng đặt tại trụ sở chính của Tổng Công ty; chịu sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy Đảng cùng cấp và Đảng ủy Tổng Công ty, sự phối hợp lãnh đạo của cơ quan chính trị - xã hội cấp Thành phố.

b) Các tổ chức chính trị - xã hội và đoàn thể khác trong Tổng Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội đó phù hợp với Điều lệ của Tổng Công ty, quy định của pháp luật.

3. Tổng Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của tổ chức đó.

Chương IV **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔNG CÔNG TY**

Điều 35. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Công ty đối với vốn và tài sản

1. Quyền đối với vốn và tài sản:

a) Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt vốn, tài sản của Tổng Công ty để kinh doanh, đầu tư, thực hiện các lợi ích hợp pháp từ vốn và tài sản của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật.

b) Quản lý và sử dụng tài sản, nguồn lực được Nhà nước giao để đầu tư phát triển theo mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Nhà nước không điều chuyển vốn đầu tư tại Tổng Công ty và vốn, tài sản của Tổng Công ty theo phương thức không thanh toán, trừ trường hợp Nhà nước quyết định tổ chức lại Tổng Công ty. Trường hợp vốn Nhà nước lớn hơn vốn điều lệ được phê duyệt thì việc chuyển vốn Nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật.

d) Được Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm thương hiệu, các sáng chế, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi, xuất xứ hàng hóa phù hợp với quy định của pháp luật.

đ) Tổng Công ty có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, biểu tượng, thương hiệu, quyết định giá trị thương hiệu của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật.

e) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ đối với vốn và tài sản:

a) Bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư tại Tổng Công ty và vốn tự huy động.

b) Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi toàn bộ tài sản của Tổng Công ty.

c) Định kỳ đánh giá lại tài sản của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Quyền, nghĩa vụ khác của Tổng Công ty đối với vốn, tài sản thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định hướng dẫn của Chính phủ, Bộ, ngành liên quan.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty trong sản xuất kinh doanh

1. Quyền trong sản xuất kinh doanh:

a) Kinh doanh những ngành nghề, lĩnh vực phù hợp mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty.

b) Chủ động tổ chức sản xuất kinh doanh, kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh, tổ chức bộ máy quản lý theo yêu cầu sản xuất kinh doanh và đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

c) Quyền về quản lý lao động, tiền lương và tổ chức công tác cán bộ, nhân sự theo quy định của pháp luật về lao động, pháp luật về quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu; pháp luật về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu; pháp luật về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là Công ty TNHH một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các văn bản pháp luật có liên quan.

d) Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng trong nước và ngoài nước; ký kết hợp đồng, quyết định việc mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, phối hợp các nguồn lực, hợp tác kinh doanh của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên theo nhu cầu của thị trường.

đ) Quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ của Tổng Công ty trừ những sản phẩm, dịch vụ công ích và những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá thì theo mức giá hoặc khung giá do Nhà nước quy định.

e) Quyết định các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và Điều lệ này; sử dụng vốn, tài sản của Tổng Công ty để liên doanh, liên kết, góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác cùng ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

g) Sử dụng nguồn thu từ cổ phần hoá, từ các hình thức chuyển đổi, tổ chức lại như: giao, bán, giải thể, phá sản đối với các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty theo quy định pháp luật. Sử dụng phần vốn góp của Tổng Công ty thu được, thu về từ việc thoái vốn mà Tổng Công ty đã đầu tư tại các công ty cổ phần, công ty TNHH theo quy định của pháp luật và phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

h) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt chủ trương.

i) Quyết định tuyển chọn, ký kết hợp đồng lao động; bố trí, sử dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng lao động, lựa chọn hình thức trả lương, thưởng cho người lao động trên cơ sở hiệu quả sản xuất kinh doanh và các quy định của pháp luật về lao động tiền lương, tiền công.

k) Được quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài, quyết định cử đại diện làm việc tại nước ngoài, cử cán bộ nhân viên đi công tác, học tập, tham quan, khảo sát ở nước ngoài theo quy định hoặc phân cấp của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

l) Quyền được hỗ trợ, tạo điều kiện vật chất và các lợi ích tài chính khác khi tham gia hoạt động công ích (nếu có) theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ trong sản xuất kinh doanh:

a) Kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ do Tổng Công ty thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký.

b) Đổi mới, hiện đại hoá công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

c) Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động và quyền tham gia quản lý Tổng Công ty của người lao động theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

đ) Tuân thủ theo các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hoá, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

e) Thực hiện việc quản lý rủi ro và bảo hiểm cho tài sản, trách nhiệm con người của Tổng Công ty trong sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

g) Chịu sự giám sát của Nhà nước trong thực hiện các quy định về thang, bảng lương, đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động và các chức danh quản lý trong Tổng Công ty.

h) Chịu sự giám sát, kiểm tra của Chủ sở hữu Nhà nước; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

i) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sử dụng vốn đầu tư để thành lập doanh nghiệp khác hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác.

k) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và được Nhà nước giao.

l) Nghĩa vụ khi tham gia hoạt động công ích (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Chương V

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 37. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Tổng Công ty quy định tại Điều 5 Điều lệ này có thể tăng trong quá trình hoạt động. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt tăng vốn điều lệ cho Tổng Công ty căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và mở rộng quy mô, hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc thù hoạt động của Tổng Công ty. Mức vốn điều lệ điều chỉnh tăng thêm được xây dựng tối thiểu trong thời hạn 03 năm kể từ năm xác định điều chỉnh vốn điều lệ đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt trong phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ từ các nguồn sau:

a) Quỹ đầu tư phát triển;

b) Các nguồn bổ sung khác theo quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ, thủ tục và phương pháp xác định vốn điều lệ theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 38. Quản lý tài chính Tổng Công ty

Quản lý tài chính của Tổng Công ty thực hiện theo Quy chế Tài chính Tổng Công ty, Quy chế Người đại diện của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên do Hội đồng thành viên ban hành phù hợp với quy định của pháp luật, bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Tổng Công ty, trong đó có hoạt động đầu tư vốn ra ngoài Tổng Công ty; quyền, trách nhiệm của Tổng Công ty khi

đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác; cơ chế quản lý, quyền, trách nhiệm, thù lao, tiền lương, tiền thưởng, quyền lợi và tiêu chuẩn người đại diện của Tổng Công ty tại doanh nghiệp khác.

2. Quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh, trong đó có quy định về phân phối thu nhập, sử dụng các quỹ.

3. Kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ về tài chính của Tổng Công ty

1. Quyền về tài chính:

a) Quyền huy động vốn; đầu tư mua bán tài sản cố định; đầu tư ra ngoài doanh nghiệp; đầu tư ra nước ngoài của Tổng Công ty; chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài Tổng Công ty; và các quyền về tài chính khác được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014 và các quy định pháp luật khác đang có hiệu lực thi hành.

b) Chủ động sử dụng vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật; Tổng Công ty được trích lập và sử dụng các quỹ: Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên... theo quy chế sử dụng các quỹ và quy định của pháp luật có liên quan.

c) Quyết định tính khấu hao tài sản cố định theo nguyên tắc mức tính tối thiểu phải đảm bảo bù đắp hao mòn hữu hình, hao mòn vô hình của tài sản cố định và không thấp hơn tỉ lệ tính khấu hao tối thiểu theo quy định của pháp luật.

d) Được chi thưởng sáng kiến đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý và công nghệ, tăng năng suất lao động, tiết kiệm vật tư theo quy chế Tổng Công ty và theo quy định của pháp luật.

đ) Được hưởng các chế độ ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật; thực hiện quyền Chủ sở hữu đối với phần vốn đã đầu tư vào các Công ty con và các doanh nghiệp khác.

e) Không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần lợi nhuận thu được từ phần vốn góp vào các Công ty con và doanh nghiệp khác nếu Công ty con và doanh nghiệp này đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trước khi chia lại cho các bên góp vốn và không bị các hình thức đánh thuế hai lần.

g) Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực, không được pháp luật quy định của bất kỳ các tổ chức nào; trừ các khoản đóng góp vì mục đích nhân đạo hoặc công ích và quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

h) Sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, chuyển lỗ theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, phần lợi nhuận thực hiện còn lại được phân phối và sử dụng theo quy định của pháp luật.

i) Tổng Công ty được trích lập dự phòng quỹ tiền lương chuyển sang năm sau và quản lý sử dụng quỹ dự phòng tiền lương thực hiện theo quy định của pháp luật. Mức dự phòng hằng năm do Tổng Công ty quyết định theo quy định pháp luật hiện hành.

k) Có các quyền khác về tài chính theo quy chế tài chính của Tổng Công ty và quy định khác của pháp luật.

2. Nghĩa vụ về tài chính:

a) Tự chủ về tài chính, tự cân đối các khoản thu chi, kinh doanh có hiệu quả, bảo đảm chỉ tiêu lợi nhuận trên vốn Chủ sở hữu do Chủ sở hữu Nhà nước giao, đăng ký kê khai và nộp đủ nghĩa vụ thuế, thực hiện nghĩa vụ đối với Cơ quan đại diện chủ sở hữu và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

b) Quản lý sử dụng có hiệu quả vốn kinh doanh, bao gồm phần vốn đầu tư vào các Công ty con và doanh nghiệp khác; tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác do Nhà nước giao, cho thuê.

c) Sử dụng vốn và các nguồn lực khác để thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt (khi Nhà nước yêu cầu).

d) Chấp hành đầy đủ chế độ quản lý vốn, các quỹ, chế độ hạch toán kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm về tính trung thực, hợp pháp đối với các hoạt động tài chính của các Tổng Công ty.

đ) Thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định tại Quy chế Tài chính của Tổng Công ty và quy định khác của pháp luật.

3. Quyền, nghĩa vụ khác của Tổng Công ty đối với đầu tư, quản lý tài chính được thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định hướng dẫn của Chính phủ, Bộ, ngành liên quan.

Điều 40. Quản lý phần vốn góp của Tổng Công ty tại công ty cổ phần, công ty TNHH Hai thành viên trở lên

Việc quản lý phần vốn góp của Tổng Công ty tại công ty cổ phần, công ty TNHH Hai thành viên trở lên thông qua việc cử người đại diện thực hiện quyền, trách nhiệm của Tổng Công ty đối với phần vốn của Tổng Công ty đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn Hai thành viên trở lên theo quy định của Luật Quản lý sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và theo các quy định pháp luật đang có hiệu lực thi hành.

1. Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc đầu tư tăng, giảm vốn, thu hồi vốn hoặc chuyển nhượng quyền mua, quyền góp vốn đầu tư vào công ty cổ phần, công ty TNHH Hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng Công ty.

2. Quy định tiêu chuẩn, cử, bãi nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và quyền lợi khác của người đại diện phần vốn của Tổng Công ty theo quy định tại các Điều 46, 47, 49 và 50 của Luật Quản lý sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014.

3. Giao nhiệm vụ cho người đại diện phần vốn của Tổng Công ty bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty tại công ty cổ phần, công ty TNHH Hai thành viên trở lên.

4. Giao người đại diện phần vốn của Tổng Công ty yêu cầu công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên chuyển phần lợi nhuận, cổ tức được chia hoặc thu hồi vốn đầu tư về Tổng Công ty; giám sát việc thu hồi vốn đầu tư, thu lợi nhuận, cổ tức được chia.

5 Yêu cầu người đại diện phần vốn của Tổng Công ty báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người đại diện trong việc định hướng doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp trên 50% vốn điều lệ để thực hiện các mục tiêu, chiến lược của doanh nghiệp.

6 Yêu cầu người đại diện phần vốn của Tổng Công ty báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình tài chính, hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty cổ phần, công ty TNHH Hai thành viên trở lên.

7. Kiểm tra, giám sát hoạt động của người đại diện phần vốn của Tổng Công ty nhằm ngăn chặn, xử lý kịp thời thiếu sót, yếu kém của người đại diện.

Điều 41. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế

1. Xác định lợi nhuận còn lại phải nộp ngân sách Nhà nước:

- Việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

- Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định nêu trên được nộp về ngân sách nhà nước.

2. Xác định lợi nhuận của Tổng Công ty:

Xác định lợi nhuận hằng năm theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về kế toán và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 42. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Việc xử lý lỗ trong kinh doanh được Tổng Công ty thực hiện theo các quy định của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; quy định của pháp luật về kế toán, thuế; và quy định quản lý tài chính của Tổng Công ty.

Chương VI

QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY MẸ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 43. Công ty mẹ - Công ty con

1. Tổng Công ty được coi là Công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;
- b) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty đó;
- c) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.

2. Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào Công ty mẹ. Các Công ty con của cùng một Công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.

3. Các Công ty con có cùng một Công ty mẹ là doanh nghiệp có sở hữu ít nhất 65% vốn Nhà nước không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc để thành lập doanh nghiệp mới.

4. Tùy thuộc vào loại hình pháp lý của Công ty con, Công ty mẹ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên, chủ sở hữu hoặc cổ đông trong quan hệ với Công ty con theo quy định tương ứng của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Công ty mẹ chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về bảo đảm mục tiêu kinh doanh ngành, nghề chính và các mục tiêu khác do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao:

a) Thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh thông qua người đại diện quản lý phần vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty đó.

b) Cử, thay đổi, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện tại Công ty con.

c) Yêu cầu người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của Công ty con.

d) Giao nhiệm vụ và yêu cầu người đại diện xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại Công ty con; báo cáo việc sử dụng quyền của cổ đông, thành viên góp vốn chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Công ty mẹ và của Công ty mẹ - Công ty con.

đ) Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của mình ở Công ty con.

e) Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào Công ty con.

g) Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào Công ty con.

h) Quản lý danh mục đầu tư tại Công ty mẹ nhằm đảm bảo điều kiện về đầu tư và cơ cấu ngành, nghề theo quy định; theo dõi, giám sát danh mục đầu tư của Công ty mẹ tại các Công ty con; theo dõi, giám sát ngành nghề kinh doanh của các Công ty con.

i) Xây dựng và thực hiện Quy chế đại diện vốn của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp khác.

6. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa Công ty mẹ và Công ty con đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với chủ thể pháp lý độc lập.

7. Trường hợp Công ty mẹ can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, thành viên hoặc cổ đông và buộc Công ty con phải thực hiện hoạt động kinh doanh trái với thông lệ kinh doanh bình thường hoặc thực hiện hoạt động không sinh lợi mà không đền bù hợp lý trong năm tài chính có liên quan, gây thiệt hại cho Công ty con thì Công ty mẹ phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.

8. Người quản lý Công ty mẹ chịu trách nhiệm về việc can thiệp buộc Công ty con thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định tại khoản 7 Điều này phải liên đới cùng Công ty mẹ chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.

9. Trường hợp Công ty mẹ không đền bù cho Công ty con theo quy định tại khoản 7 Điều này thì chủ nợ hoặc thành viên, cổ đông có sở hữu ít nhất 01% vốn điều lệ của Công ty con có quyền nhân danh chính mình hoặc nhân danh Công ty con yêu cầu Công ty mẹ đền bù thiệt hại cho Công ty con.

10. Trường hợp hoạt động kinh doanh theo quy định tại khoản 7 Điều này do Công ty con thực hiện đem lại lợi ích cho Công ty con khác của cùng một Công ty mẹ thì Công ty con được hưởng lợi phải liên đới cùng Công ty mẹ hoàn trả khoản lợi được hưởng cho Công ty con bị thiệt hại.

11. Hội đồng thành viên nhân danh Công ty mẹ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với phần vốn Công ty mẹ đầu tư vào các doanh nghiệp này. Tổng Giám đốc Công ty mẹ chỉ đạo bộ máy giúp việc giúp Hội đồng thành viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Cơ quan đại diện chủ sở hữu, theo đó có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ mà Công ty con báo cáo Công ty mẹ để trình Hội đồng thành viên xem xét, thông qua hoặc quyết định.

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên đối với Công ty con.

c) Kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh tại Công ty con.

12. Các Công ty con do Công ty mẹ nắm quyền chi phối:

a) Được tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh trên cơ sở hợp đồng kinh tế với Công ty mẹ và các Công ty con.

b) Được Công ty mẹ giao thực hiện các hợp đồng sản xuất, kinh doanh trên cơ sở hợp đồng kinh tế.

c) Được Công ty mẹ cung cấp thông tin và hưởng các dịch vụ và lợi ích từ hoạt động chung của Công ty mẹ - Công ty con theo quy định tại Điều lệ này, theo thỏa thuận với các Công ty con và quy định pháp luật có liên quan.

d) Có nghĩa vụ thực hiện các quy định hoặc thỏa thuận chung của Công ty mẹ - Công ty con; thực hiện các cam kết trong hợp đồng kinh tế với Công ty mẹ và các Công ty con; xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh theo định hướng của Công ty mẹ và triển khai thực hiện các quyết định hợp pháp của Công ty mẹ với tư cách thực hiện quyền chi phối đối với Công ty con.

Điều 44. Quan hệ với công ty liên kết

Các công ty liên kết: là công ty do Công ty mẹ đầu tư, góp vốn từ 50% vốn Điều lệ trở xuống và không nắm quyền chi phối.

1. Công ty mẹ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đối với công ty liên kết thông qua người đại diện theo ủy quyền theo quy định của pháp luật, theo Điều lệ công ty liên kết, thỏa thuận liên kết và theo quy định có liên quan của Điều lệ này.

2. Công ty mẹ quan hệ với công ty liên kết thông qua các hợp đồng thỏa thuận về thương hiệu, thị trường, công nghệ, nghiên cứu, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và các thỏa thuận khác.

Chương VII

TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN

Điều 45. Tổ chức lại Tổng Công ty

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định việc tổ chức lại Tổng Công ty theo quy định pháp luật.

Các hình thức, điều kiện, thẩm quyền quyết định, hồ sơ, trình tự, thủ tục tổ chức lại Tổng Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 46. Chuyển đổi sở hữu Tổng Công ty

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định việc Tổng Công ty được chuyển đổi sở hữu theo các hình thức sau đây:

1. Cổ phần hóa theo quy định của pháp luật về việc chuyển công ty Nhà nước thành công ty cổ phần;

2. Bán toàn bộ Tổng Công ty;
3. Bán một phần vốn để chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.
4. Các hình thức khác theo quy định pháp luật.

Điều 47. Tạm ngừng kinh doanh

1. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định việc tạm ngừng kinh doanh của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng thành viên. Quyết định tạm ngừng kinh doanh phải được lập thành văn bản.

2. Tổng Công ty tổ chức thực hiện tạm ngừng kinh doanh theo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với Luật Doanh nghiệp, pháp luật về thành lập doanh nghiệp, pháp luật về thuế và pháp luật có liên quan.

Điều 48. Giải thể, phá sản của Tổng Công ty

1. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định việc giải thể, phá sản của Tổng Công ty.

2. Việc giải thể, phá sản Tổng Công ty thực hiện theo quy định về cơ cấu lại vốn Nhà nước tại doanh nghiệp bằng hình thức chuyển đổi sở hữu và sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước theo quy định của Luật số 69/2014/QH13, Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật có liên quan.

Chương VIII CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Trách nhiệm báo cáo và thông tin

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm gửi Hội đồng thành viên những tài liệu sau đây theo định kỳ:

- a) Chiến lược phát triển của Tổng Công ty;
- b) Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 (năm) năm của Tổng Công ty;
- c) Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hằng năm của Tổng Công ty;
- d) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm và 03 (ba) năm gần nhất tính đến năm báo cáo;
- đ) Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội khác (nếu có);
- e) Báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới Tổng Công ty hằng năm;
- g) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty;
- h) Báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng và báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty;

i) Báo cáo chế độ tiền lương, tiền thưởng của Tổng Công ty.

2. Thành viên Hội đồng thành viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý của Tổng Công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên.

3. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty.

Điều 50. Báo cáo và thông tin cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

1. Hội đồng thành viên lập báo cáo và gửi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh các nội dung sau đây:

- a) Kế hoạch đầu tư phát triển, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, kế hoạch tài chính hằng năm của Tổng Công ty;
- b) Kết quả thực hiện kế hoạch định kỳ hằng quý, hằng năm;
- c) Báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng, hằng năm;
- d) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;
- đ) Các dự án đầu tư, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư;
- e) Các vấn đề phát sinh có thể tác động đến kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, kế hoạch tài chính của Tổng Công ty;
- g) Kết quả giám sát nội bộ;
- h) Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại của Tổng Công ty;
- i) Báo cáo giám sát tài chính 06 (sáu) tháng, năm theo quy định;
- k) Nội dung khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

2. Hội đồng thành viên, Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực các nội dung báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Kiểm soát viên trình Cơ quan đại diện chủ sở hữu:

a) Báo cáo kết quả kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền Chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Tổng Công ty.

b) Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh.

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý và các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật về chế độ báo cáo, thông tin của công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu.

d) Các báo cáo khác theo quy định Luật Doanh nghiệp, Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành.

4. Các báo cáo định kỳ được lập và trình hàng quý. Báo cáo đột xuất được lập và gửi theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong từng trường hợp.

Điều 51. Công bố thông tin

1. Tổng Giám đốc quyết định và chịu trách nhiệm việc công bố thông tin ra bên ngoài của Tổng Công ty. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền. Trường hợp Tổng Công ty thực hiện công bố thông tin thông qua người được ủy quyền công bố thông tin thì phải gửi thông báo ủy quyền thực hiện công bố thông tin tới Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Người được ủy quyền công bố thông tin phải là người có thẩm quyền ký, đóng dấu theo quy định của Tổng Công ty.

2. Phương tiện và hình thức:

- Hình thức công bố thông tin gồm: Văn bản và dữ liệu điện tử.

- Phương tiện công bố thông tin gồm: Báo cáo bằng văn bản, cổng hoặc trang thông tin điện tử, ấn phẩm và các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.

- Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin là tiếng Việt.

3. Công bố thông tin định kỳ:

3.1. Tổng Công ty công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử và của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh những thông tin sau đây:

a) Thông tin cơ bản về Tổng Công ty và Điều lệ Tổng Công ty.

b) Mục tiêu tổng quát; mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm.

c) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong thời hạn 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính; bao gồm cả báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có).

d) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập; thời hạn công bố phải trước ngày 31 tháng 7 hằng năm; bao gồm cả báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có);

đ) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm;

e) Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao theo kế hoạch hoặc đấu thầu (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác;

g) Báo cáo về thực trạng quản trị, cơ cấu tổ chức Tổng Công ty.

3.2. Báo cáo thực trạng quản trị Tổng Công ty bao gồm các thông tin sau đây:

- a) Thông tin về Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- b) Thông tin về người quản lý Tổng Công ty, bao gồm trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, các vị trí quản lý đã nắm giữ, cách thức được bổ nhiệm, công việc quản lý được giao; mức và cách thức chi trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác; người có liên quan và lợi ích có liên quan của người quản lý Tổng Công ty;
- c) Quyết định có liên quan của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;
- d) Thông tin về Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và hoạt động của họ;
- đ) Báo cáo kết luận của cơ quan thanh tra (nếu có) và báo cáo của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên;
- e) Thông tin về người có liên quan của Tổng Công ty, hợp đồng, giao dịch của Tổng Công ty với người có liên quan;
- g) Thông tin khác theo quy định của Điều lệ này.

3.3. Thông tin được công bố phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.

4. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.

5. Công bố thông tin bất thường

Tổng Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử, ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính, địa điểm kinh doanh của Tổng Công ty về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Tài khoản của Tổng Công ty bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;
- b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty;
- c) Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty;

d) Thay đổi thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Phòng tài chính kế toán, Kiểm soát viên;

đ) Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với người quản lý doanh nghiệp;

e) Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của Tổng Công ty;

g) Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính;

h) Có quyết định thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các công ty khác.

6. Tổng Công ty sử dụng tài khoản công bố thông tin để cập nhật thông tin cơ bản của Tổng Công ty và đăng tải báo cáo trên Cổng thông tin doanh nghiệp theo quy định pháp luật.

7. Tổng Công ty thực hiện báo cáo và đăng tải các thông tin y trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, Cổng thông tin doanh nghiệp đúng thời hạn; đồng thời gửi báo cáo tới Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Tạm hoãn công bố thông tin:

a) Tổng Công ty báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì lý do bất khả kháng hoặc cần sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối những nội dung cần hạn chế công bố thông tin.

b) Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định việc tạm hoãn công bố thông tin và thông báo bằng văn bản cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

c) Tổng Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời phải thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng được khắc phục hoặc sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với các nội dung cần hạn chế công bố thông tin.

Chương IX

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 52. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty. Hội đồng thành viên có quyền kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

Điều 53. Quản lý con dấu của Tổng Công ty

1. Hội đồng thành viên quyết định số lượng, hình thức, nội dung và mẫu con dấu, việc quản lý và sử dụng con dấu.
2. Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định về sử dụng con dấu của Tổng Công ty và quy định của pháp luật.

**Chương X
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 54. Hiệu lực thi hành**

Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt và ban hành, thay thế cho Điều lệ Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên được phê duyệt theo Quyết định số 6440/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 55. Phạm vi thi hành

1. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty, các đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.
2. Các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được quy định tại Điều lệ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty./.

Phụ lục I
DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON THUỘC
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN -
TNHH MỘT THÀNH VIÊN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

CÔNG TY CỔ PHẦN, CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN
TRỞ LÊN DO TỔNG CÔNG TY SỞ HỮU TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ
(06 CÔNG TY)

1. Công ty TNHH May mặc xuất khẩu Tân Châu.
2. Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ súc sản (VISSAN).
3. Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp TP.HCM (Gemexim JSC).
4. Công ty TNHH Lương thực Ngọc Đồng.
5. Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quận 3.
6. Công ty Cổ phần Thương mại Sài Gòn - Tây Nam.

Lưu ý: Danh sách trên có thể được điều chỉnh bởi Phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

Phụ lục II
DANH SÁCH CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

**I. CÔNG TY CỔ PHẦN CÓ VỐN NHÀ NƯỚC DƯỚI 50%
(20 CÔNG TY)**

1. Công ty Cổ phần TRANSIMEX-SAIGON.
2. Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (SATRA SECO).
3. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (IMEXCO).
4. Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Cần Giờ (CAGICO).
5. Công ty Cổ phần Cung ứng Tàu biển Sài Gòn.
6. Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp (GETRA JSC).
7. Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Thành phố (CISTRA).
8. Công ty Cổ phần Bách hóa Điện máy Sài Gòn (SEACO).
9. Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn (APT).
10. Công ty Cổ phần Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Sài Gòn (AGREX SG).
11. Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Cầu Tre.
12. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nhà Bè.
13. Công ty Cổ phần Bình Điền (BD JSC).
14. Công ty Cổ phần Thủy sản Sài Gòn - Cao Lãnh.
15. Công ty Cổ phần ĐT Dự án chợ Dân Sinh.
16. Công ty Cổ phần Satra Thái Sơn.
17. Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn.
18. Công ty Cổ phần Kinh doanh Nông sản Kiên Giang.
19. Công ty Cổ phần Thương mại Sài Gòn - Phương Trang.
20. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sản xuất Xuất nhập khẩu Bình Tây.

II. CÔNG TY TNHH 2 THÀNH VIÊN TRỞ LÊN (04 CÔNG TY)

1. Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - An Giang.
2. Công ty TNHH Nhà máy Bia Việt Nam.
3. Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - Song Kim.
4. Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Heineken Việt Nam.

III. CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (SÁNG LẬP/CHIẾN LƯỢC) (11 CÔNG TY)

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương.
2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần SHB.
3. Công ty Cổ phần Ánh Dương VINASUN.
4. Công ty Cổ phần Hải Đăng.
5. Công ty Cổ phần Bất động sản Eximland.
6. Công ty Cổ phần Cao su TP.HCM.
7. Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế Sài Gòn.
8. Công ty Cổ phần VDA Hậu Giang.
9. Tổng Công ty Cổ phần Sabeco.
10. Công ty Cổ phần Kinh Đô.

Lưu ý: Danh sách trên có thể được điều chỉnh bởi Phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt.

Phụ lục III
DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên
- Thương xá Tax (Thương xá Tax).
2. Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên
- Siêu thị Sài Gòn (Siêu thị Sài Gòn).
3. Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên
- Trung tâm Dịch vụ Ăn uống Satra.
4. Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền.
5. Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên
- Trung tâm Dịch vụ Satra (Trung tâm Dịch vụ Satra).
6. Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên
- Trung tâm Phát triển Địa ốc Satra (Trung tâm Phát triển Địa ốc Satra)
7. Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên
tại Bình Dương (Chi nhánh Satra Bình Dương).
8. Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên
tại Đồng Tháp (Chi nhánh Satra Đồng Tháp).
9. Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên
- Trung tâm Thương mại Satra đường Phạm Hùng (Chi nhánh TTTM Satra Phạm Hùng).
10. Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên
- Công ty Phát triển Kinh tế Duyên hải (COFIDEC).
11. Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên
- Trung tâm Phân phối Satra.
12. Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên
- Trung tâm Điều hành Cửa hàng tiện lợi Satra (Satrafoods).
13. Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên
- Kho lạnh Satra.
14. Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên
- Trung tâm điều hành bán lẻ Satra Cần Thơ.
15. Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên
- Trung tâm Thương mại Satra Củ Chi.

16. Văn phòng đại diện của Satra tại Nhật Bản.

Lưu ý: Danh sách trên có thể được điều chỉnh bởi Phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt.